

**Thống kê HSG 12 năm học 2015-2016.**

| Môn/Đơn vị                                  | Điểm TB<br>đơn vị | Số TS      | Tổng giải  | Giải 1    | Giải 2    | Giải 3    | Tỉ lệ        |
|---------------------------------------------|-------------------|------------|------------|-----------|-----------|-----------|--------------|
| <b>Toán</b>                                 | <b>4.84</b>       | <b>627</b> | <b>114</b> | <b>18</b> | <b>40</b> | <b>56</b> | <b>18.2%</b> |
| TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm             | 0.90              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU             | 3.00              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS - THPT Đức Trí                         | 0.00              | 1          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS - THPT Nhân Văn                        | 0.00              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS,THPT Nam Việt                          | 0.75              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS-THPT Châu Á Thái Bình Dương            | 3.50              | 1          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS-THPT Tân Phú                           | 0.00              | 1          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THCS-THPT TT Hồng Đức                       | 2.60              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT An Dương Vương                         | 5.45              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT An Lạc                                 | 1.83              | 3          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT An Nghĩa                               | 1.40              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT An Nhơn Tây                            | 2.58              | 3          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bà Điểm                                | 1.10              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bình Chánh                             | 2.33              | 3          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bình Hưng Hòa                          | 5.13              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bình Khánh                             | 1.25              | 3          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bình Phú                               | 1.60              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Bình Tân                               | 3.10              | 5          | 1          | 0         | 0         | 1         | 20.0%        |
| THPT Bùi Thị Xuân                           | 7.30              | 5          | 3          | 0         | 1         | 2         | 60.0%        |
| THPT chuyên Lê Hồng Phong                   | 6.92              | 28         | 11         | 2         | 5         | 4         | 39.3%        |
| THPT chuyên Năng Khiếu                      | 9.51              | 18         | 11         | 2         | 5         | 4         | 61.1%        |
| THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định | 4.00              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                  | 6.03              | 23         | 5          | 0         | 1         | 4         | 21.7%        |
| THPT Củ Chi                                 | 7.91              | 8          | 1          | 1         | 0         | 0         | 12.5%        |
| THPT Diên Hồng                              | 1.25              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT DL Ngôi Sao                            | 2.13              | 4          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Đông Dương                             | 0.75              | 1          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Gia Định                               | 7.35              | 43         | 16         | 2         | 5         | 9         | 37.2%        |
| THPT Giồng Ông Tố                           | 3.50              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Gò Vấp                                 | 5.20              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Hiệp Bình                              | 2.92              | 3          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Hoàng Hoa Thám                         | 3.05              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Hồng Hà                                | 3.63              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Hùng Vương                             | 4.10              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Lê Minh Xuân                           | 2.20              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Lê Quý Đôn                             | 3.75              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Lê Thánh Tôn                           | 1.00              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Long Thới                              | 4.13              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Long Trường                            | 1.60              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Lương Thế Vinh                         | 2.95              | 5          | 1          | 0         | 0         | 1         | 20.0%        |
| THPT Lương Văn Can                          | 4.75              | 1          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Lý Thường Kiệt                         | 2.25              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Mạc Đĩnh Chi                           | 5.64              | 34         | 6          | 2         | 1         | 3         | 17.6%        |
| THPT Marie Curie                            | 0.70              | 5          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa                      | 4.00              | 2          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Ngô Gia Tự                             | 0.67              | 6          | 0          | 0         | 0         | 0         | 0.0%         |
| THPT Ngô Quyền                              | 7.30              | 5          | 1          | 0         | 1         | 0         | 20.0%        |
| THPT Nguyễn Chí Thanh                       | 4.00              | 5          | 1          | 0         | 0         | 1         | 20.0%        |

|                               |       |    |    |   |   |   |       |
|-------------------------------|-------|----|----|---|---|---|-------|
| THPT Nguyễn Công Trứ          | 10.80 | 5  | 4  | 1 | 2 | 1 | 80.0% |
| THPT Nguyễn Du                | 4.31  | 8  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Hiền              | 3.00  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Huệ               | 4.60  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Hữu Cầu           | 8.76  | 18 | 11 | 2 | 3 | 6 | 61.1% |
| THPT Nguyễn Hữu Huân          | 4.84  | 38 | 6  | 0 | 1 | 5 | 15.8% |
| THPT Nguyễn Hữu Thọ           | 0.94  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Hữu Tiên          | 3.55  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Khuyến            | 8.75  | 1  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Tất Thành         | 1.70  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Thái Bình         | 1.60  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nguyễn Thị Minh Khai     | 3.30  | 5  | 1  | 0 | 1 | 0 | 20.0% |
| THPT Nguyễn Thượng Hiền       | 5.34  | 40 | 7  | 2 | 0 | 5 | 17.5% |
| THPT Nguyễn Trãi              | 7.60  | 5  | 2  | 0 | 2 | 0 | 40.0% |
| THPT Nguyễn Văn Cừ            | 5.75  | 2  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Nhân Việt                | 4.75  | 2  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Phạm Văn Sáng            | 3.67  | 3  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Phan Đăng Lưu            | 0.44  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Phú Lâm                  | 0.17  | 3  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Phú Nhuận                | 5.63  | 8  | 1  | 0 | 1 | 0 | 12.5% |
| THPT Phước Kiển               | 0.00  | 2  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Phước Long               | 5.80  | 5  | 1  | 0 | 0 | 1 | 20.0% |
| THPT Quang Trung              | 0.25  | 2  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Tạ Quang Bửu             | 0.75  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Tam Phú                  | 3.05  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Tân Bình                 | 5.00  | 5  | 1  | 0 | 1 | 0 | 20.0% |
| THPT Tân Thông Hội            | 4.90  | 5  | 1  | 0 | 1 | 0 | 20.0% |
| THPT Tân Túc                  | 6.10  | 5  | 1  | 0 | 1 | 0 | 20.0% |
| THPT Tây Thạnh                | 5.80  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Ten Lơ Man               | 1.31  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Thạnh Lộc                | 1.63  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Thủ Đức                  | 2.90  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Thủ Thiêm                | 0.50  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trần Cao Vân             | 0.50  | 2  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trần Hưng Đạo            | 3.85  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trần Khai Nguyên         | 2.20  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trần Phú                 | 10.25 | 7  | 6  | 1 | 2 | 3 | 85.7% |
| THPT Trần Quang Khải          | 0.81  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trần Văn Giàu            | 1.30  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trung Phú                | 5.36  | 11 | 1  | 0 | 1 | 0 | 9.1%  |
| THPT Trưng Vương              | 1.40  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trường Chinh             | 5.81  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Trương Vĩnh Ký           | 4.85  | 5  | 1  | 0 | 1 | 0 | 20.0% |
| THPT TT Trí Đức               | 0.55  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Vĩnh Lộc                 | 1.80  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Võ Thị Sáu               | 2.00  | 5  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| THPT Võ Trường Toản           | 5.81  | 4  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |
| TH-THCS-THPT QUỐC VĂN SÀI GÒN | 7.70  | 5  | 3  | 1 | 0 | 2 | 60.0% |
| Trung học thực hành ĐHSP      | 8.31  | 21 | 10 | 2 | 4 | 4 | 47.6% |
| Trung học thực hành Sài Gòn   | 7.50  | 1  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0.0%  |